

校外實習辦法說明

Giải thích về quy định thực tập ngoài trường

餐旅廚藝管理系

新南向專班

Ngành Quản lý Ẩm thực và KS - Lớp chuyên biệt Hướng Tân Nam

校外實習相關辦法-公告



餐旅廚藝管理系

Select Language Powered by Google Translate

德育首頁

網站導覽

分類清單

- 系科介紹
- 工作職掌
- 師資陣容
- 教學資源
- 課程規劃
- 實習資訊
- 規則辦法
- 系會

餐廚系活動花絮

焦點新聞

通育學院 國際實習暨工讀綜合活動成功

實習辦法
實習問卷
實習資訊
實習單下載

五餐放技展全國公開賽

傳統標準調酒組 榮獲1佳作、2優勝

重磅新聞

通育學院 餐廚之光 陳昱睿

【德育專訊】在國際觀光學院擔任餐廚師的陳昱睿，最近在日本東京工作期間，獲頒「日本觀光局」頒發的「觀光大使」稱號，成為首位獲此殊榮的台灣觀光大使。

陳昱睿於通育學院餐廚系畢業，在通育學院期間，曾擔任餐廚師助理、廚師、餐廚師等職務，並曾擔任通育學院學生會副會長、通育學院學生會會長等職務。在通育學院期間，曾擔任餐廚師助理、廚師、餐廚師等職務，並曾擔任通育學院學生會副會長、通育學院學生會會長等職務。

2023第七屆國際廚藝美食大師烘焙師組

榮獲銀牌及佳作

競賽花絮

***** 1 *****
賀 本系同學榮獲2025年
世界廚藝大賽領組特金盃金牌
指導老師 陳宇凡老師
WORLD CHEFS
CHAMPIONSHIP 2025



校外實習目的與依據

Thông báo về Quy định Thực tập Ngoài trường - Mục đích và Căn cứ

• 目的 Mục đích

- 提升學生實務能力 Nâng cao thực tiễn cho SV
- 強化學生學習內容並與產業實務接軌
- Tăng cường nội dung học tập và kết nối với thực tiễn ngành nghề

• 依據 Căn cứ

- 參考教育部「專科以上學校產學合作實施辦法」及餐旅業之產業特性而制訂 Tham khảo “Quy định thực hiện hợp tác sản xuất - giáo dục tại các trường cao đẳng trở lên” do Bộ Giáo dục ban hành và dựa theo đặc điểm ngành NH & KS để xây dựng quy định phù hợp

實習委員會 權責

Ban ủy ban thực tập - Quyền hạn và trách nhiệm

- 一、校外實習課程之規劃與推動。Hoạch định và thúc đẩy chương trình thực tập ngoài trường
- 二、實習合作機構評估與實習單位選定。Đánh giá cơ cấu hợp tác thực tập và lựa chọn đơn vị thực tập.
- 三、學生實習計畫之審核。Xét duyệt kế hoạch thực tập của SV
- 四、實習合約內容之檢核及確認。Kiểm tra và xác nhận nội dung hợp đồng thực tập.
- 五、學生實習不適應輔導與轉換機制與成效之檢討。Tư vấn hỗ trợ sinh viên không thích nghi với thực tập và cơ chế điều chuyển, cùng với việc rà soát hiệu quả.
- 六、協調、處理學生申訴與爭議案件。Điều phối và xử lý các khiếu nại, tranh chấp của sinh viên.
- 七、處理學生實習期滿前之終止實習。Xử lý việc chấm dứt thực tập trước thời hạn.
- 八、實習成效評估與檢討，包括學生緊急事故、工安職災、勞動權益等。Đánh giá và rà soát hiệu quả thực tập, bao gồm sự cố khẩn cấp, tai nạn lao động, và quyền lợi lao động của sinh viên.
- 九、追蹤處理及檢討學生實習輔導訪視結果。Theo dõi, xử lý và rà soát kết quả thăm viếng, hỗ trợ thực tập sinh.
- 十、其他與學生權益保障相關事項。Các vấn đề khác có liên quan đến việc bảo đảm quyền lợi của sinh viên.

個別實習計畫表

Bảng kế hoạch thực tập cá nhân

• 實習機構需針對個別學生規劃實務課程。

Đơn vị thực tập cần xây dựng chương trình thực hành riêng cho từng sinh viên.

- 若學生對實習內容有疑慮，將由輔導老師居中溝通與協調。 Nếu sinh viên có thắc mắc về nội dung thực tập, giáo viên hướng dẫn sẽ đứng ra làm trung gian để trao đổi và điều phối.
- 待同學同意實習內容並簽名後，正本留系辦公室存查，副本交由實習學生留存。
- Sau khi sinh viên đồng ý với nội dung thực tập và ký tên, bản chính sẽ được lưu giữ tại văn phòng khoa để đối chiếu, bản sao sẽ giao cho sinh viên thực tập giữ.

實習計畫表-中泰越

德育學校財團法人德育護理健康學院
 ...學年度·第...學期新南向產學合作國際專班·產業實習(·)學習計畫表

Học Viện Y Tế Sức Khỏe Đào Đức

Học kỳ: Năm học: Lớp-Chuyên-Ban-Hợp-Tác-Tân-Hướng-Nam-Mới-Thực-tập-ngành-nghề(·)kế-hoạch-học-tập

Deh Yu College of Nursing and Health

ภาควิชาศึกษา: ปีการศึกษา: การฝึกงานด้านอุตสาหกรรม(·)-แบบฟอร์มแผนการศึกษา

←

民國 112 年 7 月 19 日 111 學年度第 2 學期第 10 次系實習委員會會議通過

民國 113 年 3 月 20 日 112 學年度第 2 學期第 3 次系實習委員會會議通過

一、基本資料(實習機構填寫) tu liêu cơ bản (Đơn vị thực tập điền thông tin) ข้อมูลพื้นฐาน
 (กรอกโดยสถาบันการฝึกงาน)←

班級 lớp·ระดับ	←	實習機構 Đơn vị thực tập· การฝึกงาน	←	實習期間 Trong· thời gian thực· tậpระหว่างฝึกงาน	←
學號 mã số sinh viên· รหัสนักศึกษา	←	實習部門 Ngành· thực· tậpแผนกฝึกงาน	←	000/00/00← -000/00/00←	←
姓名 Họ tên·ชื่อ	←	業界指導老師 Giáo· viên chỉ đạo ngành· ผู้สอนในอุตสาหกรรม	←		←

二、實習課程目標(實習機構填寫) Mục tiêu khóa trình thực tập (Đơn vị thực tập điền thông tin)

วัตถุประสงค์ของหลักสูตรฝึกงาน (กรอกโดยสถาบันการฝึกงาน)←

透過在產業界的實務學習，培育下列專業人才的實務能力 Thông qua việc học tập thực hành trong ngành công nghiệp, phát triển khả năng thực tiễn của các chuyên gia chuyên nghiệp sau đây.
 ผ่านการเรียนรู้เชิงปฏิบัติในอุตสาหกรรม ปลูกฝังความสามารถเชิงปฏิบัติของผู้เชี่ยวชาญต่อไปนี้:←
 I. 餐廳外場/餐服人員 Nhân viên phục vụ nhà hàng/ร้านอาหารนอกสถานที่/พนักงานจัดเลี้ยง :←
 中餐 Nhà hàng Trung Hoa/อาหารจีน 西餐 Nhà hàng Tây. อาหารตะวันตก 日料 Nhà hàng Nhật/อาหารญี่ปุ่น 異國料理 Nhà hàng ẩm thực nước ngoài. อาหารแปลกใหม่ 麵包坊 Cửa hàng bánh

實習合約 Hợp đồng thực tập

- 與實習機構簽訂之合作契約書，均經本校相關法務單位修訂，以確保實習學生權益，包括：

Hợp đồng hợp tác ký kết với đơn vị thực tập đều đã được đơn vị pháp chế liên quan của nhà trường sửa đổi, nhằm đảm bảo quyền lợi cho sinh viên thực tập, bao gồm:

- 實習內容 Nội dung thực tập
- 實習生成效考核制度 Chế độ đánh giá hiệu quả thực tập của SV
- 實習糾紛或爭議處理之機制 Cơ chế xử lý tranh chấp hoặc khiếu nại liên quan đến thực tập
- 本職學能輔導與生活及心理輔導 Hướng dẫn về năng lực chuyên môn cũng như hỗ trợ đời sống và tâm lý
- 須符合勞基法相關規範與給薪方式 Phải phù hợp với các quy định liên quan của Luật Lao động và phương thức trả lương

實習合約-中越

編號: «學號» «中文姓名»

德育學校財團法人德育護理健康學院(餐旅廚藝管理系) · 1140513 版
HỌC VIỆN ĐIỀU DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE DEH-YU · PHÁP NHÂN QUỸ TRƯỞNG · Deh-Yu (Khoa Quản lý Âm thực và Du lịch Nhà hàng – Khách sạn)

114 學年度第 1 學期新南向產學合作國際專班學生校外實習合約書
HỢP ĐỒNG THỰC TẬP NGOÀI TRƯỜNG DÀNH CHO SINH VIÊN LỚP QUỐC TẾ HỢP TÁC CÔNG NGHIỆP TÂN HƯỚNG NAM – HỌC KỲ · 1 · , NĂM HỌC · 114 ·

立合約書人 · Người lập Hợp đồng:



學校↓ Tên trường	德育學校財團法人德育護理健康學院 Học Viện Điều Dưỡng và Sức Khỏe Deh-Yu – Pháp nhân quỹ trường học Deh-Yu	以下稱甲方↓ gọi tắt là Bên A	←
實習機構↓ Cơ quan thực tập	《合作廠商單位》 Công ty đối tác hợp tác	以下稱乙方↓ gọi tắt là Bên B	←
實習學生↓ Sinh viên thực tập	《中文姓名》	以下稱丙方↓ gọi tắt là Bên C	←

為促進國家產業政策發展，促進國際文教交流，強化學校與業界鏈結，三方基於互惠原則，共同推展校外實習課程教學與職場實務訓練，提升學生務實致用之觀念與能力，特協議訂定下列事項，共同遵循。

Nhằm thúc đẩy sự phát triển chính sách công nghiệp quốc gia, tăng cường giao lưu văn hóa – giáo dục quốc tế, và củng cố mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, ba bên dựa trên nguyên tắc cùng có lợi, cùng nhau triển khai chương trình thực tập ngoài trường, kết hợp giảng dạy với đào tạo thực tiễn tại nơi làm việc, qua đó nâng cao tư duy thực tiễn và năng lực ứng dụng của sinh viên. Các bên thống nhất ký kết và cùng tuân thủ các điều khoản sau đây.

實習合約-中泰

「學號」「中文姓名」

德育學校財團法人德育護理健康學院(餐旅廚藝管理系) 1140519 版

วิทยาลัยการพยาบาลและสุขภาพเต๋ออีวี่

(ภาควิชาการจัดการท่องเที่ยว·การบริการ·และศิลปะการทำอาหาร)

←

· 114 · 學年度第 · 1 · 學期

ภาคเรียนที่ 1 ปีการศึกษา 114

新南向產學合作國際專班學生校外實習合約書

สัญญาการฝึกงานนอกมหาวิทยาลัยสำหรับนักศึกษาหลักสูตรพิเศษระหว่างประเทศ

ด้วยความร่วมมือด้านการศึกษาและอุตสาหกรรมมุ่งได้ใหม่

立合約書人 ผู้ทำสัญญา :

學校↓

มหาวิทยาลัย

德育學校財團法人德育護理健康學院

วิทยาลัยการพยาบาลและสุขภาพเต๋ออีวี่

以下稱甲方

ต่อไปนี้เรียกว่าฝ่าย ก.

實習機構↓

หน่วยงานที่ฝึกงาน

«合作廠商單位»

以下稱乙方

ต่อไปนี้เรียกว่าฝ่าย ข.

實習學生↓

นักศึกษาฝึกงาน

«中文姓名»

以下稱丙方

ต่อไปนี้เรียกว่าฝ่าย ค.

工讀合約-中越

《班級》《學號》《中文姓名》←

德育學校財團法人德育護理健康學院(餐旅廚藝管理系) ←

HỌC VIỆN ĐIỀU DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE DEH-YU -PHÁP NHÂN QUỲ TRƯỜNG DEH YU-
1140512 版←

←

(Khoa Quản lý Ẩm thực và Du lịch Nhà hàng – Khách sạn)←

· 114 · 學年度第 1 · 學期新南向產學合作國際專班學生校外
工讀合約書←

HỢP ĐỒNG VỪA HỌC VỪA LÀM NGOÀI TRƯỜNG DÀNH CHO SINH VIÊN LỚP
QUỐC TẾ ←

HỢP TÁC CÔNG NGHIỆP TÂN HƯỚNG NAM – HỌC KỲ 1 · NĂM HỌC 114 · ←

←

←

工讀機構· Cơ sở vừa học vừa làm: «合作廠商單位» (以下稱甲方
dưới đây gọi tắt là Bên A)←

工讀合約-中泰

◀班級▶◀學號▶◀中文姓名▶◀

德育學校財團法人德育護理健康學院(餐旅廚藝管理系)◀

วิทยาลัยการพยาบาลและสุขภาพเด็อวี◀

(ภาควิชาการจัดการท่องเที่ยว·การบริการ·และศิลปะการทำอาหาร)◀

◀

· 114 學年度第 1 學期新南向產學合作國際專班學生校外工讀合約書◀

สัญญาการทำงานนอกเวลานอกมหาวิทยาลัยสำหรับนักศึกษาหลักสูตรพิเศษระหว่างประเทศ◀

ด้วยความร่วมมือด้านการศึกษาและอุตสาหกรรมมุ่งได้ใหม่·ภาคเรียนที่ 1 ปีการศึกษา 114 ◀

◀

◀

工讀機構·หน่วยงานที่ทำงานนอกเวลา:.....◀合作廠商單位▶.....(以下稱甲方·ต่อไปนี้เรียกว่าฝ่ายก.)◀

立合約書人·ผู้ทำสัญญา:◀

工讀學生·นักศึกษาทำงานนอกเวลา:.....◀中文姓名▶.....(以下稱乙方·ต่อไปนี้เรียกว่าฝ่ายข.)◀

一、本次工讀地點·สถานที่ทำงานนอกเวลาครั้งนี้:.....◀工作單位▶◀工作部門▶.....◀

二、工讀時間自 114 年 08 月 01 日至 115 年 01 月 30 日。(依中華民國就業服務法第 50 條規定,除寒暑假外,外籍生於所有單位每週工讀的總時數至多 20 小時,不可超時。如乙方除在甲方營業場所工讀外,另有在其他營業場所打工,致使超過法定工讀時數,相關違法責任均由乙

實習津貼 Tiền trợ cấp thực tập

- 實習津貼 tiền trợ cấp thực tập
 - 196元/每小時以上的條件
 - Mức lương từ 196 Đài tệ/giờ trở lên

實習輔導-雙導師制

Hướng dẫn thực tập - Chế độ hai giảng viên hướng dẫn

- **班級導師** Giảng viên chủ nhiệm lớp
 - 賃居訪視、生活輔導...Thực hiện công tác thăm viếng chỗ ở thuê và hướng dẫn đời sống...
- **實習單位輔導老師** Giảng viên hướng dẫn tại đơn vị thực tập
 - 負責該單位所有同學的實地訪視工作 Phụ trách công tác thăm viếng thực địa cho tất cả sinh viên tại đơn vị thực tập đó.
實習單位有 任何違反雙方合作契約或不合理要求者，同學務必在**第一時間通知** 訪視老師或導師或與系辦(分機261) Nếu đơn vị thực tập có bất kỳ hành vi vi phạm hợp đồng hợp tác giữa hai bên hoặc có yêu cầu không hợp lý, sinh viên bắt buộc phải thông báo ngay cho giáo viên thăm viếng, giáo viên cố vấn hoặc liên hệ với văn phòng khoa (số máy lẻ 261).
 - 負責該單位所有同學的實習成績評定 Phụ trách việc đánh giá điểm thực tập của tất cả sinh viên tại đơn vị thực tập
 - đó.
 - **餐旅倫理+實習報告(5學分)** Lý thuyết ngành Nhà hàng - Khách sạn + Báo cáo thực tập (5 tín chỉ)

實習期間的保險

Bảo hiểm trong thời gian thực tập

- 實習單位 Đơn vị thực tập
 - 勞保、勞退、健保
 - BHLĐ, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm y tế
 - 德育護理健康學院 Học viện hộ lý và điều dưỡng sức khỏe De Yu
 - 學生平安保險 Bảo hiểm an toàn cho sinh viên
- 餐旅廚藝系 Khoa Quản trị Ẩm thực và khách sạn
 - 團體傷害險 Bảo hiểm tai nạn nhóm
 - 意外身故或失能 Trợ cấp tử vong hoặc thương tật do tai nạn
 - 傷害醫療保險給付(實支實付型) Trợ cấp chi phí điều trị thương tích do tai nạn (loại chi trả theo hóa đơn thực tế)
 - 傷害醫療保險給付(日額型) Trợ cấp chi phí điều trị thương tích do tai nạn (loại chi trả theo ngày nằm viện)



實習時數認定

Xác nhận số giờ thực tập

- **實習時間計算** Cách tính thời gian thực tập
 - 每學期實習須達18週且實習時數達 每週20小時，實習成績方予承認。 Mỗi học kỳ thực tập phải đủ 18 tuần, và mỗi tuần phải đạt 20 giờ thực tập, thì điểm thực tập mới được công nhận.
- **實習單位轉換或其他特殊情況** Chuyển đổi đơn vị thực tập hoặc các tình huống đặc biệt khác
 - 得由訪視老師提請系(科)實習委員會專案認定 Giáo viên thăm viếng có thể đề xuất lên Ủy ban thực tập của khoa/bộ môn để xem xét công nhận theo từng trường hợp đặc biệt.

實習成績評定-1

Đánh giá điểm thực tập - Phần 1

- 餐旅倫理 lý thuyết ngành Nhà hàng - Khách
- 實習報告 Báo cáo thực tập

訪視老師 依據訪視觀察/報告內容予以評分

Giáo viên thăm viếng sẽ dựa vào quan sát trong các buổi thăm viếng và nội dung báo cáo để chấm điểm.

- 實務技能 Thực tập thực tế bên ngoài trường - Kỹ năng thực hành
 - **實習單位** 評分 Điểm do đơn vị thực tập đánh giá

實習成績評定-2

Đánh giá điểm thực tập - Phần 2

- 若學生**實習單位超過1個以上**，實習成績則依**各單位實習成績乘以實習時間比例**，加總計算為原則。 Trường hợp sinh viên có hơn một đơn vị thực tập, điểm thực tập sẽ được tính dựa trên điểm số tại từng đơn vị, nhân với tỷ lệ thời gian thực tập tại mỗi nơi, sau đó cộng lại để xác định điểm tổng.
- 若有特殊情況，得由訪視老師提請討論，依系(科)實習委員會決議後處置。 Trong trường hợp đặc biệt, giáo viên thăm viếng có thể đề xuất thảo luận, và xử lý theo nghị quyết của Ủy ban thực tập của khoa/bộ môn.

實習成績評定-3

Đánh giá điểm thực tập - Phần 3

- 學生於實習期間，若因逾時或未繳交實習報告以致「校外實務實習-實習報告」成績不及格，得待學生重新選修該科目後並補交報告，得由該生訪視老師重新評分並登錄成績。
- Trong thời gian thực tập, nếu sinh viên bị rớt môn “Thực tập thực tế bên ngoài trường - Báo cáo thực tập” do nộp trễ hoặc không nộp báo cáo
- Sinh viên có thể đăng ký học lại môn này, sau đó nộp bù báo cáo thực tập, và giáo viên thăm viếng sẽ chấm điểm lại và nhập điểm chính thức.

實習成績評定-4

Đánh giá điểm thực tập - Phần 4

- 當發生實習單位轉換或因病、意外等事故導致需長時間請假者等特殊情況，實習成績之計算與認定，得由訪視老師提請系(科)實習委員會討論，專案認定。
- Khi xảy ra các tình huống đặc biệt như chuyển đổi đơn vị thực tập hoặc phải xin nghỉ dài ngày do bệnh tật, tai nạn, ... Việc tính toán và công nhận điểm thực tập sẽ do giáo viên thăm viếng đề xuất lên Ủy ban thực tập của khoa/bộ môn để thảo luận và công nhận theo từng trường hợp cụ thể.

實習單位轉換原則

Nguyên tắc chuyển đổi đơn vị thực tập

- 原則：**不可更換實習單位**
- Nguyên tắc: Không được tự ý thay đổi đơn vị thực tập
- 若有特殊狀況 Trường hợp có tình huống đặc biệt, chẳng hạn như:
 - **實習單位違反雙方合作契約或不當要求者**
 - 得由學生以書面提出具體事實
 - 經訪視老師溝通或確認後，認為有足以中斷雙方合作之理由，得由訪視老師提請討論，經系(科)實習委員會同意後，方可更換。
Đơn vị thực tập vi phạm hợp đồng hợp tác hoặc đưa ra yêu cầu không phù hợp, sinh viên phải nộp đơn trình bày bằng văn bản nêu rõ sự việc cụ thể. Sau khi giáo viên thăm viếng liên lạc hoặc xác minh và nhận thấy có lý do chính đáng để chấm dứt hợp tác, giáo viên thăm viếng có thể đề xuất thảo luận, và chỉ khi được Ủy ban thực tập của khoa/bộ môn đồng ý, sinh viên mới được thay đổi đơn vị thực tập.

實習單位轉換程序

學生自行提出離退申請

實習單位退訓

訪視老師進行了解並於實習委員會議提報

不同意

同意

學生返回原單位實習並由
訪視老師加強輔導

安排新單位面試

繼續完成實習

實習期間的開學日期

Ngày bắt đầu học kỳ trong thời gian thực tập

- 114學年度第二學期 Học kỳ 2 niên khóa 114
 - 開學日為115/02/23 (一) Ngày khai giảng: Thứ Hai, 15/09/114
- 115學年度第一學期 Học kỳ 1 niên khóa 115
 - 開學日為115/09/21 (一) Ngày khai giảng: Thứ Hai, 23/02/115
- 請於開學第一週前完成註冊手續與繳費 Vui lòng hoàn tất thủ tục đăng ký và đóng học phí trước tuần học đầu tiên.

實習報告繳交日期與方式

Thời hạn và cách thức nộp báo cáo thực tập

- 第一學期：請於115/06/15前Học kỳ I: Vui lòng nộp trước ngày 15/06/115
- 第二學期：請於115/12/15前Học kỳ II: Vui lòng nộp trước ngày 15/12/115
 - 遲交一天者扣5分，繳交期限7天後，未上傳報告者該學期「實習報告」成績以零分計。Nếu nộp trễ mỗi ngày bị trừ 5 điểm. Nếu quá thời hạn 7 ngày mà vẫn chưa nộp báo cáo, điểm môn “Báo cáo thực tập” của học kỳ đó sẽ bị tính là 0 điểm.
- **電子報告繳交方式** Cách thức nộp báo cáo điện tử
 - 需在繳交日期前將電子檔傳給訪視老師並上傳網路大學Trước hạn chót nộp báo cáo, sinh viên phải: Gửi file báo cáo cho giáo viên thăm viếng Tải lên hệ thống Trường Đại học trực tuyến
 - :請以PDF格式繳交，若檔案超過20M，可以切成數份，報告名稱就在後面加-1、-2……..。
 - 報告名稱:例如「114.2 校外實習報告 四餐廚二B 1234 王**」。Nếu dung lượng file vượt quá 20MB, có thể chia thành nhiều file nhỏ và đặt tên lần lượt là: “-1”, “-2”, ... ở cuối tên file. Cách đặt tên file báo cáo ví dụ: “113.1 Báo cáo thực tập bên ngoài - Lớp 4 Bếp-Khóa 2B - 1234 - Vương **”

實習報告格式

Định dạng báo cáo thực tập

- 檔案格式：Word檔，Định dạng file: File Word
- 報告內容含封面須超過20頁以上，Tổng số trang (bao gồm trang bìa) phải trên 20 trang
- 字體不得大於14號字Cỡ chữ không được lớn hơn cỡ 14
- 每頁行距不得大於1.5倍行高Giãn dòng mỗi trang không được vượt quá 1.5 lần chiều cao chữ
- 實習心得不得小於3頁Phần cảm nhận thực tập phải viết ít nhất 3 trang trở lên

第一次實習報告內容

Nội dung báo cáo thực tập lần thứ nhất

報告封面Trang bìa báo cáo

- 單位名稱、班級、學號、姓名、實習時間、指導老師、封面設計…..
Tên đơn vị thực tập- Lớp, mã số sinh viên, họ tên- Thời gian thực tập-
Giáo viên hướng dẫn- Thiết kế trang bìa

單位簡介Giới thiệu đơn vị thực tập

- 商圈簡介（地理位置、交通、產業）、企業品牌、組織架構、商品介紹.. Giới thiệu khu thương mại (vị trí địa lý, giao thông, ngành nghề)- Thương hiệu doanh nghiệp- Cơ cấu tổ chức- Giới thiệu sản phẩm…

實習內容Nội dung thực tập

- 教育訓練內容、工作規章、說明書、工作職掌與日常執行表單….
Nội dung đào tạo- Nội quy làm việc- Tài liệu hướng dẫn công việc- Mô tả công việc và bảng biểu thực hiện hằng ngày…

心得感想及建議 Cảm nhận và kiến nghị

第二次實習報告內容

Nội dung báo cáo thực tập lần thứ hai

- 整合濃縮第一次實習報告內容 Tóm lược nội dung báo cáo lần thứ nhất
 - 不可超過整份報告的30% Chỉ được tóm tắt và tích hợp không vượt quá 30% tổng độ dài báo cáo
- 6篇學習日誌 6 bài nhật ký học tập
 - 4篇工作日誌: 項目、流程、注意事項等
 - 4 bài nhật ký công việc ghi rõ: hạng mục công việc, quy trình thực hiện, những điều cần lưu ý
 - 2篇典範人物介紹 2 bài giới thiệu nhân vật điển hình
- 心得感想及建議 Cảm nhận và kiến nghị

緊急事故聯繫窗口

Liên lạc khi có sự cố khẩn cấp

- 聯絡專線(校安專線) Đường dây nóng an ninh trường học
 - 02-2437-4315
- 學校總機 Tổng đài trường
 - 02-2437-2093
- 餐旅系辦公室 Văn phòng Khoa Quản trị Ẩm thực và khách sạn
 - 02-2437-2093 分機 261

謝謝聆聽

Cảm ơn đã lắng nghe

